

**ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC GIÁO DỤC**



**BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH: QUẢN TRỊ TRƯỜNG HỌC**

MÃ SỐ: 7140117

(Xây dựng theo chương trình đào tạo điều chỉnh chuẩn trình độ đại học
ban hành năm 2019)

Hà Nội, 2019

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH: QUẢN TRỊ TRƯỜNG HỌC
MÃ SỐ: 7140117

(Xây dựng theo chương trình đào tạo điều chỉnh chuẩn trình độ đại học năm 2019)

- 1. Đơn vị đào tạo cấp bằng:** Trường Đại học Giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội.
- 2. Đơn vị đào tạo, giảng dạy:** Trường Đại học Giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội.
- 3. Thông tin chi tiết về việc kiểm định chương trình do các tổ chức nghề nghiệp hoặc cơ quan pháp luật tiến hành**

Chương trình chưa được các tổ chức nghề nghiệp hoặc cơ quan pháp luật tiến hành kiểm định chất lượng

- 4. Tên văn bằng**
 - + Tiếng Việt: Cử nhân Quản trị trường học
 - + Tiếng Anh: The Degree of Bachelor in School Administration
- 5. Tên chương trình**
 - + Tiếng Việt: Quản trị trường học
 - + Tiếng Anh: School Administration
- 6. Loại hình đào tạo:** Chính quy
- 7. Thời gian đào tạo:** 4 năm
- 8. Mục tiêu đào tạo**

Chương trình trang bị cho người học các kiến thức cơ bản, cốt lõi về quản trị tổ chức và cơ sở giáo dục gồm quản trị hành chính, quản trị nhân sự, quản trị hoạt động dạy học và giáo dục, quản trị việc thiết kế và thực thi chương trình giáo dục, quản trị các mối quan hệ trong và ngoài nhà trường, quản trị chất lượng giáo dục,... Khi đạt được trình độ cử nhân quản trị trường học, người học sẽ có năng lực tác nghiệp giáo dục trong cơ sở giáo dục: hỗ trợ phát triển chuyên môn của các giáo viên, nhân viên; hỗ trợ, tư vấn, hướng nghiệp cho cha mẹ học sinh, học sinh và cộng đồng trong các hoạt động giáo dục trong và ngoài nhà trường; tổ chức, hỗ trợ và giám sát hoạt động dạy học và giáo dục; tư vấn cho lãnh đạo và quản lý nhà trường và hướng dẫn, tổ chức cho giáo viên và nhân viên về đảm bảo chất lượng dạy học và giáo dục,...

Về mặt phát triển chuyên môn cá nhân, người học có thể theo học thạc sỹ và tiến sỹ về quản trị trường học, quản lý giáo dục.

Sinh viên tốt nghiệp chương trình đào tạo có kiến thức chuyên sâu trong lĩnh vực quản trị nhà trường; nắm vững kỹ thuật để giải quyết các hoạt động tác nghiệp trong

nhà trường; tích lũy được kiến thức nền tảng về giáo dục và đào tạo để phát triển kiến thức mới và có thể tiếp tục học tập ở trình độ cao hơn.

9. Thông tin tuyển sinh

Hình thức tuyển sinh: Theo quy định của Đại học Quốc gia Hà Nội.

10. Chuẩn đầu ra của chương trình

1. Về kiến thức và năng lực chuyên môn

1.1. Kiến thức chung

KT01. Vận dụng được các kiến thức về nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh để có được nhận thức và hành động đúng trong cuộc sống, học tập và lao động nghề nghiệp.

KT02. Hiểu được những nội dung cơ bản của đường lối đấu tranh cách mạng, các bài học về lí luận và thực tiễn của Đảng Cộng sản Việt Nam để có nhận thức và hành động đúng trong thực tiễn công tác giáo dục và đào tạo Việt Nam;

KT03. Đánh giá và phân tích được các vấn đề an ninh, quốc phòng và có ý thức cảnh giác với những âm mưu chống phá cách mạng của các thế lực thù địch;

KT04. Nhận diện được các thành tựu mới của công nghệ thông tin trong nghề nghiệp, sử dụng được các phương tiện công nghệ thông tin trong dạy học và giáo dục;

KT05. Giao tiếp và sử dụng ngoại ngữ đạt trình độ tương đương bậc 3 Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam;

KT06. Vận dụng được những kiến thức khoa học cơ bản về thể dục thể thao vào quá trình tập luyện, tự rèn luyện để củng cố và tăng cường sức khỏe thể chất và tinh thần của cá nhân và cộng đồng.

1.2. Kiến thức theo lĩnh vực

KT07. Vận dụng được các lý thuyết cơ bản của tâm lý học, giáo dục học, quản trị học, tổ chức học và hiểu biết về pháp luật, kinh tế, văn hóa đất nước, địa phương, dân tộc... vào thực tiễn quản trị cơ sở giáo dục.

KT08. Vận dụng được các lý thuyết của khoa học xã hội, nhân văn để kết nối và huy động các nguồn lực trong xã hội để phát triển nhà trường.

1.3. Kiến thức của khối ngành

KT09. Phân tích được kiến thức về khoa học tự nhiên và xã hội để quản trị các cơ sở giáo dục.

KT10. Vận dụng được các kiến thức về quản lý hành chính nhà nước, quản lý hệ thống giáo dục quốc dân và các chính sách pháp luật, kinh tế, xã hội có liên quan trong việc tư vấn và thực hiện các hoạt động dạy học và giáo dục tại nhà trường.

1.4. Kiến thức của nhóm ngành

KT11. Tổng hợp được kiến thức cơ bản của tâm lý học, giáo dục học, tổ chức học, quản trị học vào việc ra đưa ra các quyết định quản trị.

KT12. Vận dụng được lý luận cơ bản của quản trị học và quản trị nhà trường vào thực tiễn tại cơ sở giáo dục.

KT13. Phân tích được mô hình hệ thống giáo dục quốc dân và các văn bản pháp luật liên quan.

KT14. Đánh giá được các mô hình quản trị nhà trường tại một số quốc gia có nền giáo dục tiên tiến để vận dụng tại Việt Nam.

KT15. Nhận diện được các chương trình giáo dục để vận dụng trong hoạt động cải tiến và phát triển chương trình nhà trường.

1.5. Kiến thức ngành

KT16. Vận dụng được lý luận quản trị vào thiết kế các vị trí việc làm tại cơ sở giáo dục cụ thể.

KT17. Giải thích được cơ cấu tổ chức và cơ chế quản trị trong cơ sở giáo dục, cơ quan giáo dục, cũng như các tổ chức giáo dục khác.

KT18. Xây dựng được kế hoạch phát triển nguồn nhân lực trong một cơ sở giáo dục.

KT19. Tổ chức quản trị tài chính, cơ sở vật chất tại cơ sở giáo dục.

KT20. Xây dựng được kế hoạch quản lý chất lượng, đánh giá trong dạy học và giáo dục.

KT21. Sử dụng được công nghệ thông tin trong vị trí công tác cụ thể.

KT22. Ứng dụng các kiến thức đã học vào quản trị trường học trong các lĩnh vực và hoạt động cụ thể tại các cơ sở giáo dục, các cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo, các tổ chức giáo dục.

1.6. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

NL01. Có năng lực làm việc độc lập, chủ động, sáng tạo trong chuyên môn, nghiệp vụ đã được đào tạo và thực hiện nhiệm vụ được giao;

NL02. Có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ;

NL03. Có khả năng tư vấn các chính sách cho cán bộ quản lý, giáo viên trong nhà trường;

NL04. Có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể;

NL05. Có năng lực đánh giá và cải tiến thường xuyên các hoạt động chuyên môn.

2. Về kỹ năng

2.1. Kỹ năng chuyên môn

KN01. Vận dụng lý thuyết và thực tiễn để hoàn thành công việc đáp ứng đòi hỏi của giáo dục và nhà trường trong những bối cảnh khác nhau.

KN02. Tư vấn để xử lý những vấn đề phát sinh trong hoạt động chuyên môn của nhà trường.

KN03. Vận dụng được kiến thức, kỹ năng chuyên môn, nghiệp vụ vào quản trị hành chính, nhân sự, chất lượng giáo dục và phát triển chuyên môn cho giáo viên nhằm phục vụ đào tạo, dạy học và các hoạt động giáo dục.

KN04. Lập kế hoạch, tham gia thực hiện, phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu, thu thập thông tin, tổng hợp ý kiến và sử dụng những thành tựu mới về khoa học công nghệ để giải quyết những vấn đề thực tế trong lĩnh vực hoạt động của nhà trường.

KN05. Lập dự toán và tham gia vào hoạt động quản trị tài chính, quản trị cơ sở vật chất của nhà trường, huy động các nguồn tài trợ trong nhà trường.

KN06. Kết nối và huy động các lực lượng xã hội tham gia vào phát triển nhà trường.

KN07. Tham gia tư vấn, lựa chọn, đánh giá và phát triển các chương trình giáo dục, sách giáo khoa phục vụ cho hoạt động của nhà trường.

KN08. Phân tích bối cảnh xã hội, bối cảnh địa phương và nhà trường trên cơ sở đó đánh giá được những tác động tích cực và tiêu cực đến lĩnh vực chuyên môn; đánh giá và chủ động với những thay đổi của bối cảnh tác động đến việc thực hiện các mục tiêu của nhà trường.

2.2. Kỹ năng bổ trợ

2.2.1. Các kỹ năng cá nhân

KN09. Có kỹ năng đánh giá, quản lý bản thân tăng cường trách nhiệm đóng góp vào sự phát triển chung của tổ chức.

KN10. Có kỹ năng tư duy phê phán, tư duy sáng tạo trong giải quyết công việc.

KN11. Có kỹ năng học hỏi, hợp tác và làm việc theo đội, nhóm.

KN12. Có kỹ năng xác định phương pháp làm việc hiệu quả cho từng loại công việc thu hút sự tham gia của đồng nghiệp.

2.2.2. Các kỹ năng bổ trợ

KN13. Kỹ năng ngoại ngữ chuyên ngành: Có kỹ năng ngoại ngữ ở mức có thể hiểu được các nội dung của một báo cáo hay bài phát biểu về các chủ đề quen thuộc trong công việc liên quan đến ngành được đào tạo; có thể sử dụng ngoại ngữ để diễn đạt, xử lý một số tình huống chuyên môn thông thường; có thể viết được báo cáo có nội dung đơn giản, trình bày ý kiến liên quan đến công việc chuyên môn.

KN14. Kỹ năng giao tiếp, quản lý ấn tượng cá nhân và nhà trường.

KN15. Kỹ năng gây ảnh hưởng và tác động đến những người khác, kỹ năng thuyết phục, thương lượng, tìm kiếm sự giúp đỡ.

KN16. Kỹ năng thích ứng với những thay đổi.

3. Về phẩm chất đạo đức

3.1. Phẩm chất đạo đức cá nhân

PC01. Sẵn sàng đương đầu với khó khăn.

PC02. Kiên trì, chăm chỉ, nhiệt tình, say mê sáng tạo.

PC03. Cảm thông, chia sẻ với đồng nghiệp.

PC04. Chính trực, tự tin, linh hoạt, phản biện, sáng tạo.

3.2. Phẩm chất đạo đức nghề nghiệp

PC05. Công bằng, trung thực và trách nhiệm trong công việc.

PC06. Có tác phong làm việc chuyên nghiệp, chủ động, độc lập.

3.3. Phẩm chất đạo đức xã hội

PC07. Tuân thủ pháp luật và các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước.

PC08. Giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc.

PC09. Giữ gìn và quảng bá hình ảnh của người giáo viên, nhân viên của nhà trường trong lĩnh vực giáo dục.

PC10. Có ý thức trách nhiệm cộng đồng, tham gia vào các hoạt động xã hội phục vụ cộng đồng và xã hội trong lĩnh vực giáo dục.

11. Cấu trúc chương trình đào tạo

11.1. Tóm tắt yêu cầu chương trình đào tạo

Tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo: (Chưa tính các học phần GDTC, GDQPAN)	136 tín chỉ
- Khối kiến thức chung (Chưa tính các học phần GDTC, GDQPAN):	16 tín chỉ
- Khối kiến thức theo lĩnh vực:	22 tín chỉ
- Khối kiến thức theo khối ngành:	16 tín chỉ
+ Bắt buộc:	11 tín chỉ
+ Tự chọn:	5/16 tín chỉ
- Khối kiến thức theo nhóm ngành:	27 tín chỉ
+ Bắt buộc:	12 tín chỉ
+ Tự chọn (theo các hướng)	15/33 tín chỉ
- Khối kiến thức ngành:	55 tín chỉ
+ Bắt buộc:	24 tín chỉ
+ Tự chọn:	15/27 tín chỉ
+ Kiến thức thực tập và tốt nghiệp:	16 tín chỉ

11.2. Khung chương trình đào tạo

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Số giờ tín chỉ			Mã học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
I	Khối kiến thức chung (chưa tính các học phần 7, 8)		16				
1.	PHI1006	Triết học Mac-Lenin Marxism – Leninism Philosophy	3	35	10		
2.	PEC1008	Kinh tế chính trị Mac-Lenin Marxism-Leninism Politic Economy	2	20	10		PHI1006
3.	PHI1002	Chủ nghĩa xã hội khoa học Leninism Scientific Socialism	2	24	6		PHI1006
4.	POL1001	Tư tưởng Hồ Chí Minh Ho Chi Minh Ideology	2	24	6		PHI1006 PHI1002
5.	HIS1001	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam History of the Communist Party of Vietnam	2	24	6		POL1001
6.		Ngoại ngữ B1 Foreign language B1	5	20	50	5	
		Tiếng Anh					
		Tiếng Nga					
		Tiếng Pháp					
		Tiếng Trung					
7.	PES1001	Giáo dục thể chất Physical Education	4				
8.	CME1001	Giáo dục quốc phòng–an ninh National Defence Education	8				
II	Khối kiến thức theo lĩnh vực		22				
9.	EDT2001	Nhập môn Công nghệ giáo dục Introduction of Educational Technology	2	35	10		
10.	EDT2002	Ứng dụng ICT trong giáo dục Application of ICT in education	3	20	23	2	EDT2001
11.	PSE2008	Tâm lí học giáo dục Education Psychology	4	26	16	3	
12.	PSE2009	Nhập môn Khoa học giáo dục Introduction to Education Science	3	35	10		
13.	PSE2004	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong giáo dục Research Methodology in Education	3	26	16	3	
14.	EDM2013	Nhập môn khoa học quản lý	2	24	6		

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Số giờ tín chỉ			Mã học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
		trong giáo dục <i>Introduction to management science in education</i>					
15.	EAM3002	Nhập môn thống kê ứng dụng trong giáo dục <i>Introduction of Applied statistics in education</i>	3	26	16	3	
16.	EDM2052	Nhập môn đo lường và đánh giá trong giáo dục <i>Introduction to measurement and evaluation in education</i>	2	24	6		
III	Khối kiến thức theo khối ngành		16				
III.1	Các học phần bắt buộc		11				
17.	TMT3008	Quy tắc đạo đức nghề nghiệp trong lĩnh vực giáo dục <i>Code of professional ethics in the field of education</i>	2	12	18		
18.	SCA1001	Quản trị học <i>Administration</i>	3	30	12	3	
19.	MNS2064	Hành chính học đại cương <i>General Administrative Science</i>	3	33	9	3	
20.	SCA1002	Đại cương về Quản trị trường học <i>Introduction to Educational Administration</i>	3	33	9	3	
III.2	Các học phần tự chọn		5/ 16				
21.	EDM1004	Xã hội học giáo dục <i>Educational Sociology</i>	3	33	9	3	
22.	EDM2003	Kinh tế học giáo dục <i>Education Economics</i>	3	33	9	3	
23.	EDM1005	Quản lý và thực thi văn bản quản lý nhà nước trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo <i>Management and implementation of administrative documents in education</i>	2	22	6	2	
24.	EVS1001	Môi trường và phát triển <i>Environment and Development</i>	2	24	6		
25.	SCA1004	Lý thuyết hành chính trong các tổ chức giáo dục <i>Theories of Administration in Educational Institutions</i>	3	33	9	3	

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Số giờ tín chỉ			Mã học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
26.	TMT3009	Lý luận dạy học <i>Teaching Theories and Instruction</i>	3	24	21		PSE2008 PSE2009
IV	Khối kiến thức theo nhóm ngành		27				
IV.1	Các học phần bắt buộc		12				
27.	SCA2001	Ứng dụng tâm lý học trong quản trị nhà trường <i>Applied psychology in school administration</i>	3	33	12		
28.	EDM2006	Hệ thống giáo dục quốc dân và cơ sở pháp lý trong quản lý giáo dục <i>The National Education System and the Legal Basis for Management Education</i>	3	33	9	3	
29.	SCA2002	Giám sát hoạt động giáo dục trong nhà trường <i>Supervision of Educational Activities at School</i>	3	33	9	3	EDM2006
30.	SCA2003	Quản lý chương trình nhà trường <i>School based curriculum management</i>	3	36	6	3	
IV.2	Các học phần tự chọn		15/33				
31.	SCA2004	Quản trị chiến lược trong nhà trường <i>Strategic Administration in School</i>	3	33	9	3	
32.	SCA2005	Quản trị trường học trong mối quan hệ giữa nhà trường và cộng đồng <i>School administration in the relationship between the school and the community</i>	3	39	6		SCA1001
33.	SCA2006	Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản trị nhà trường <i>Applied IT in schools Administration</i>	3	30	15		
34.	SCA2007	Quan hệ nội bộ trong quản trị nhà trường <i>Interior relations in Schools</i>	3	33	9	3	
35.	SCA2008	Xây dựng văn hóa nhà trường <i>Schools Culture Development</i>	3	33	9	3	

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Số giờ tín chỉ			Mã học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
36.	SCA2009	Kỹ năng quản trị trường học 1 <i>School Administration Skills 1</i>	3	33	9	3	
37.	SCA2010	Kỹ năng quản trị trường học 2 <i>School Administration Skills 2</i>	3	33	9	3	
38.	SCA2011	Kỹ năng quản trị trường học 3 <i>School Administration Skills 3</i>	3	33	9	3	
39.	PSE2005	Tổ chức hoạt động giáo dục trong nhà trường <i>Organization Educational Activities in schools</i>	3	36	9		
40.	SCA2012	Kỹ thuật điều hành nhà trường <i>School Adminitration technology</i>	3	33	12		
41.	SCA2013	Quan hệ công chúng trong nhà trường <i>Public relations in Schools</i>	3	33	9	3	
V	Khối kiến thức ngành		55				
V.1	Các học phần bắt buộc		24				
42.	SCA3001	Giám sát hoạt động dạy học trong nhà trường <i>Supervision of teaching activities at School</i>	4	33	18	9	
43.	SCA3002	Chính sách và thực thi quản trị trường học <i>Schools Adminitration, Policies and Practice</i>	3	33	9	3	
44.	SCA3003	Quản trị nguồn nhân lực trong nhà trường <i>Human Resources Administration in Education</i>	3	33	12		
45.	SCA3004	Quản lý tài chính trong nhà trường <i>Financial Management at School</i>	3	33	9	3	
46.	SCA3005	Quản lý cơ sở vật chất trong nhà trường <i>Infrastructure Management at School</i>	3	33	9	3	
47.	SCA3006	Đảm bảo chất lượng trong giáo dục <i>Quality Assurance in Education</i>	3	36	9		
48.	EDM2002	Quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành giáo dục và	3	36	6	3	

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Số giờ tín chỉ			Mã học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
		đào tạo <i>Administrative and Management of Education</i>					
49.	CAL3007	Lý luận pháp luật về phòng chống tham nhũng <i>Theories and Law on Anti – corruption</i>	2	21	9		
V.2	<i>Các học phần tự chọn</i>		15/27				
50.	EDM3009	Huy động cộng đồng phát triển giáo dục <i>Community mobilization in Education</i>	3	33	12		
51.	SCA3007	Tư vấn hướng nghiệp trong nhà trường <i>Career Counseling in School</i>	3	20	9	3	
52.	SCA3008	Quản trị dự án trong trường học <i>Project Administration in School</i>	3	33	12	0	
53.	SCA3009	Quản trị thương hiệu và Marketing của nhà trường <i>Brand Management and Marketing of school</i>	3	33	9	3	
54.	SCA3010	Lãnh đạo sáng tạo <i>Creative leadership</i>	3	30	12	3	
55.	PSE2006	Tư vấn tâm lý học đường <i>Psychological counseling in schools</i>	3	17	25	3	
56.	SCA3015	Kỹ năng quản trị nhà trường hiệu quả <i>Effective Administration in Education</i>	3	33	12		
57.	SCA3016	Hệ thống thông tin trong quản trị nhà trường <i>Information System in School Administration</i>	3	17	25	3	
58.	SCA3017	Kỹ năng giao tiếp của chuyên viên quản trị trường học <i>Communication skills of the school Administrator</i>	3	33	9	3	
V.3	<i>Thực tập, khóa luận tốt nghiệp/ Các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp</i>		16				
59.	SCA4001	Thực tập nghiệp vụ 1 <i>Internship 1</i>	4	9	51		

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Số giờ tín chỉ			Mã học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
60.	SCA4002	Thực tập nghiệp vụ 2 <i>Internship 2</i>	6	15	75		
61.	SCA4003	Khóa luận tốt nghiệp <i>Undergraduate Thesis</i>	6				
	Các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp		6				
62.	SCA4004	Thực hành quản trị trường học <i>School Administration Practices</i>	3	33	12		
63.	SCA4005	Nghiệp vụ quản lý hành chính trong cơ sở giáo dục <i>Administrative Management in Educational Institutions</i>	3	33	12		
Tổng cộng			136				

Ghi chú: Học phần Ngoại ngữ thuộc khối kiến thức chung được tính vào tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo, nhưng kết quả đánh giá các học phần này không tính vào điểm trung bình chung học kỳ, điểm trung bình chung các học phần và điểm trung bình chung tích lũy./.

12. Ma trận thể hiện sự đóng góp của các học phần vào việc đạt được chuẩn đầu ra của chương trình (phụ lục kèm theo)

13. Mô tả tóm tắt các học phần

1. Triết học Mac-Lenin *Marxism – Leninism Philosophy*

2. Kinh tế chính trị Mac-Lenin *Marxism-Leninism Politic Economy*

3. Chủ nghĩa xã hội khoa học *Scientific Socialism*

4. Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam *History of the Communist Party of Vietnam*

5. Tư tưởng Hồ Chí Minh *Ho Chi Minh Ideology*

6. Ngoại ngữ cơ sở 3 *Foreign language 3*

7. Giáo dục thể chất *Physical Education*

8. Giáo dục quốc phòng–an ninh *National Defence Education*

9. Nhập môn Công nghệ Giáo dục *Introduction of Educational Technology*

Học phần cung cấp khung lí thuyết về các mô hình ứng dụng công nghệ trong giáo dục và dạy học hiện nay; mối quan hệ giữa hệ thống các nguyên tắc tổ chức quá trình dạy học với các mô hình áp dụng giải pháp, công cụ công nghệ dạy học; các nguyên tắc đánh giá tính hiệu quả, khả thi của việc tích hợp công nghệ trong môi

trường dạy học mới [dạy học phi truyền thống]. Với các nội dung thực hành, người học có cơ hội được hình thành và rèn luyện kỹ năng sử dụng công nghệ mới trong dạy học theo tiếp cận phát triển năng lực.

10. Ứng dụng ICT trong giáo dục *Application of ICT in education*

Môn học nghiên cứu về việc Ứng dụng ICT trong giáo dục ở trường THPT. Dựa trên nghiên cứu về các mô hình ứng dụng ICT trong giáo dục, xác định vai trò, chức năng, nguyên tắc ứng dụng ICT trong giáo dục. Sinh viên được thực hành sử dụng các phần mềm phổ biến trong dạy học vật lý ở trường phổ thông, từ việc sử dụng phần mềm để quản lý lớp học, chuẩn bị kế hoạch bài dạy có ứng dụng ICT, thực hành dạy học với các phần mềm.

11. Tâm lý học Giáo dục *Education Psychology*

Môn học Đại cương về tâm lý và tâm lý học nhà trường cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về khoa học tâm lý học và vận dụng kiến thức đó vào trong nhà trường nhằm nâng cao hiệu quả của quá trình dạy học và giáo dục. Nội dung môn học đề cập đến các vấn đề: Lịch sử tâm lý học. Các trường phái tâm lý học, quan điểm duy vật biện chứng về tâm lý và các phương pháp nghiên cứu. Cơ sở sinh lý thần kinh của tâm lý. Sự phát triển của con người qua các giai đoạn lứa tuổi. Quá trình nhận thức của con người. Sự phát triển trí tuệ và các biện pháp phát triển trí tuệ. Các vấn đề ý thức và vô thức trong đời sống tâm lý con người. Các lý thuyết về sự học. Hoạt động học tập và đặc điểm hoạt động học tập của người học. Trí nhớ và các quá trình trí nhớ. Quên và các biện pháp chống quên. Giới thiệu về động cơ, động cơ học tập và các biện pháp hình thành động cơ học tập cho học sinh. Đời sống tình cảm và các đặc điểm của đời sống tình cảm. Vấn đề stress và quản lý stress. Các rối loạn tâm lý xảy ra ở học sinh. Các vấn đề nhân cách, cấu trúc nhân cách và những đặc điểm nhân cách của học sinh với việc học. Hoạt động dạy học và nhân cách người giáo viên. Các biện pháp phát triển nhân cách người giáo viên.

12. Nhập môn Khoa học Giáo dục *Introduction to Education Science*

Học phần này giúp sinh viên có cái nhìn tổng quan về các học thuyết cũng như những thành tựu nghiên cứu của Khoa học giáo dục được ứng dụng cho việc dạy học và phân tích các vấn đề thực tiễn giáo dục. Các nội dung được chú trọng trong học phần này bao gồm: Lịch sử phát triển và các học thuyết giáo dục hiện đại; các phạm trù cơ bản của GDH; vai trò của GD với sự phát triển của cá nhân, xã hội, cộng đồng

và phát triển nguồn nhân lực. Sinh viên sẽ được tham gia vào các hoạt động học tập đòi hỏi sự chủ động trong nhận thức và khả năng tích hợp kinh nghiệm trong cuộc sống hàng ngày. Sinh viên được khuyến khích kiểm tra hệ thống giáo dục của Việt nam và việc học tập của chính bản thân với những gì các bạn được học trong khóa học này. Sinh viên được tạo cơ hội để tích cực khám phá những ý nghĩa thực tế và các ứng dụng của lý thuyết tâm lý, xã hội, kinh tế, quản lý, công nghệ,... trong Khoa học Giáo dục.

13. Phương pháp nghiên cứu khoa học trong giáo dục *Research Methodology in Education*

“Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục” là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo cử nhân các ngành khoa học giáo dục. Học phần được thiết kế với thời lượng 2 tín chỉ và nhằm mục đích cung cấp cho người học kiến thức và kỹ năng cơ bản, bước đầu thực hiện các loại hình nghiên cứu trong lĩnh vực giáo dục như bài tập lớn, khoá luận tốt nghiệp, báo cáo khoa học, bài báo khoa học. Học phần được thiết kế theo các nội dung cơ bản sau :

- Hệ thống khái niệm cơ bản : Khoa học, nghiên cứu khoa học, các quan điểm tiếp cận về nghiên cứu khoa học giáo dục, các lĩnh vực nghiên cứu khoa học giáo dục. Một số nguyên tắc, yêu cầu khi thực hiện đề tài nghiên cứu trong lĩnh vực giáo dục.
- Đặc điểm và phân loại các nhóm phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục.
- Lựa chọn và triển khai một số phương pháp nghiên cứu trong khoa học giáo dục
- Kỹ thuật xử lý số liệu và phân tích kết quả .
- Quy trình tiến hành một công trình nghiên cứu khoa học giáo dục, thiết kế đề cương nghiên cứu.
- Trình bày một công trình nghiên cứu khoa học giáo dục dưới các hình thức khác nhau như bài tập lớn, khoá luận tốt nghiệp, báo cáo khoa học.
- Tiêu chí đánh giá và đánh giá một nghiên cứu khoa học giáo dục.

Học phần sẽ được thực hiện dưới hình thức đan xen các phần lý thuyết và thực hành, trong đó hoạt động thực hành chiếm phần lớn thời lượng môn học và dưới các hình thức khác nhau như cá nhân, nhóm, xê mi na ...

14. Nhập môn khoa học quản lý trong giáo dục *Introduction to management science in education*

“Nhập môn khoa học quản lý trong giáo dục” là môn học bắt buộc trong chương trình đào tạo cử nhân các ngành khoa học giáo dục. Môn học được thiết kế với thời lượng 2 tín chỉ và nhằm mục đích cung cấp cho người học kiến thức và kỹ năng cơ bản, bước đầu tìm hiểu các hoạt động, mô hình, phương pháp quản lý nói chung và trong giáo dục nói riêng.

Môn học được thiết kế theo các nội dung cơ bản sau :

- Hệ thống khái niệm cơ bản : Giáo dục, khoa học giáo dục, quản lý, khoa học quản lý, quản lý giáo dục.
- Phân biệt hoạt động lãnh đạo, quản lý, quản trị (giáo dục).
- Lý luận về khoa học quản lý.
- Những vấn đề cơ bản về quản lý giáo dục.
- Đổi mới giáo dục và đổi mới quản lý giáo dục trong bối cảnh mới.
- Những vấn đề cơ bản trong nghiên cứu khoa học quản lý giáo dục.

Môn học sẽ được thực hiện dưới hình thức đan xen các phần lý thuyết và thực hành khám phá, trải nghiệm, trong đó hoạt động thực hành khám phá chiếm phần lớn thời lượng môn học và dưới các hình thức khác nhau như cá nhân, nhóm, xê mi na.

15. Nhập môn thống kê ứng dụng trong giáo dục *Introduction of Applied statistics in education*

Tóm tắt: Nội dung môn học gồm 6 chương:

- Chương 1 – Tổng quan về thống kê ứng dụng.
- Chương 2 – Một số nội dung cơ bản của lý thuyết xác suất.
- Chương 3 - Thống kê mô tả.
- Chương 4 - Ước lượng và kiểm định giả thuyết.
- Chương 5 - Phân tích tương quan và hồi quy tuyến tính.
- Chương 6 - Phân tích nhân tố, độ tin cậy của thang đo.

16. Nhập môn đo lường và đánh giá trong giáo dục *Introduction to measurement and evaluation in education*

Đại cương về Đo lường và đánh giá chất lượng giáo dục là học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức nền tảng ban đầu về lĩnh vực quản trị và đánh giá chất lượng giáo dục. Học phần gồm 3 phần nội dung chính:

- (i) Khái quát về chất lượng và chất lượng trong giáo dục
- (ii) Những vấn đề cơ bản về đo lường và đánh giá trong giáo dục
- (iii) Các loại hình đánh giá chất lượng giáo dục

Thông qua 3 nội dung này, sinh viên sẽ lần lượt tiếp cận những vấn đề mang tính lý luận cơ bản, làm nền tảng cho mọi hoạt động đo lường và đánh giá chất lượng trong giáo dục như những khái niệm về chất lượng, chất lượng trong giáo dục; quy trình và căn cứ để đo lường, đánh giá; những yêu cầu đối với một hoạt động đo lường, đánh giá. Sinh viên cũng sẽ làm quen với các loại hình đánh giá chất lượng giáo dục, phân loại theo nguồn gốc thông tin mà mỗi loại hình sử dụng để đánh giá.

17. Quy tắc đạo đức nghề nghiệp trong lĩnh vực giáo dục *Code of professional ethics in the field of education*

Đạo đức nhà giáo dục là một nhánh trong hệ thống đạo đức xã hội, là những quan điểm, quy tắc và chuẩn mực hành vi đạo đức xã hội đòi hỏi phải tuân theo trong hoạt động nghề nghiệp, có tính đặc trưng của nghề nghiệp. Nghĩa vụ đạo đức nghề nghiệp là trách nhiệm của người làm nghề trước xã hội và trước người khác. Lương tâm nghề nghiệp là sự tự phán xét, tự ý thức về trách nhiệm đạo đức nghề nghiệp. Lương tâm nghề nghiệp giữ chức năng tình cảm của nghĩa vụ đạo đức nghề nghiệp, trạng thái khẳng định của lương tâm có vai trò nâng cao tính tích cực của con người, giúp cho con người tin tưởng vào mình trong quá trình hoạt động nghề nghiệp. Đánh mất ý thức về nghĩa vụ đạo đức là đánh mất ý thức về bản thân mình, làm mất ý nghĩa làm người cũng như giá trị động lực của lao động.

Đạo đức nghề nghiệp đối với giáo dục là những chuẩn mực cao nhất về đạo đức, giáo dục và chuyên môn sư phạm vì lợi ích của xã hội; được xem là thước đo nhân phẩm để thầy cô kiến tạo những thế hệ tương lai của đất nước. Với những nhà giáo, đạo đức nghề nghiệp phải được rèn luyện nghiêm khắc hơn bất kỳ ngành nghề nào. Trong bất kỳ hoàn cảnh nào, đạo đức nghề nghiệp là nền tảng, niềm tin để các nhà giáo cống hiến hết mình cho sự nghiệp trồng người, vun đắp và thắp sáng cái

thiện cũng như những đam mê khám phá tri thức cho những mầm non tương lai của xã hội.

Trong môi trường giáo dục, đạo đức nhà giáo dục chính là các chuẩn mực để đánh giá tinh thần, thái độ và sự chuyên nghiệp của mỗi cán bộ, mỗi nhà giáo; đánh giá sự thành công của mỗi cán bộ, mỗi nhà giáo. Những nhà giáo tuân thủ đạo đức nghề nghiệp luôn được tôn trọng và đánh giá cao. Những hành vi vi phạm chuẩn mực có thể bị lãnh đạo cơ sở giáo dục xử lý, hình thức xử lý có thể bao gồm tử nhắc nhở, khiển trách, kỷ luật hoặc đình chỉ công tác trong ngành giáo dục.

18. Quản trị học *Administration*

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản nhất về các quan niệm, chức năng quản trị, các cấp quản trị trong tổ chức theo nhiệm vụ và kỹ năng cần có; hướng tới hình thành sự chủ động của nhà quản trị được đào tạo nhằm thích ứng với những tác động của môi trường quản trị, đặc biệt là môi trường hội nhập và toàn cầu hóa mang lại cho mỗi nhà trường.

19. Hành chính học đại cương *General Administrative Science*

Học phần bao gồm các nội dung: một số vấn đề cơ bản về hành chính học; chức năng hành chính nhà nước; thể chế của nền hành chính nhà nước; tổ chức bộ máy hành chính nhà nước; Quyết định hành chính nhà nước; kiểm soát đối với hành chính nhà nước.

20. Đại cương về Quản trị trường học: *Introduction to Educational Administration*

Chuyên đề trình bày phương thức quản trị trong thiết chế trường học hiện nay. Chuyên đề trình bày khái niệm và lý thuyết về quản trị giáo dục được thể hiện theo các chủ đề đại diện cho cuộc sống thực tế và thực tại của các quản trị viên trường học. Các khái niệm, lý thuyết này là các công cụ để nâng cao kỹ năng, hành vi và khả năng của các quản trị viên, giúp các quản trị viên ý thức hơn về vai trò và trách nhiệm của mình trong nhà trường.

21. Xã hội học giáo dục *Educational Sociology*

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về xã hội học bao gồm quá trình hình thành và phát triển cũng như đối tượng nghiên cứu xã hội học, những thiết chế và tổ chức xã hội cơ bản. Học phần cũng trang bị cho sinh viên kỹ năng thực hành,

sử dụng các phương pháp định tính, định lượng trong nghiên cứu xã hội học và nghiên cứu xã hội học giáo dục.

22. Kinh tế học giáo dục *Education Economics*

Nội dung học phần bao gồm những kiến thức đại cương về Kinh tế học giáo dục; các khái niệm cơ bản và các tính chất, đặc trưng cơ bản như vấn đề đầu tư giáo dục, nguồn vốn giáo dục, chi phí giáo dục, hiệu suất (hiệu quả) trong giáo dục, hiệu quả kinh tế - xã hội của giáo dục, tài chính đầu tư cho giáo dục, kế hoạch hóa giáo dục... Mối quan hệ giữa giáo dục và kinh tế, giáo dục trong nền kinh tế thị trường hóa, lao động của nhà giáo, tiền thù lao/ tiền lương.

23. Quản lý và thực thi văn bản quản lý nhà nước trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo

Học phần cung cấp cho người học các khái niệm cơ bản về văn bản quản lý, vai trò, chức năng của văn bản và cách phân loại văn bản quản lý nhà nước. Hình thành ở người học kỹ năng soạn thảo văn bản quản lý và văn bản hành chính. Giúp người học vận hành được quy trình tổ chức quản lý văn bản, lập hồ sơ và lưu trữ văn bản quản lý.

24. Môi trường và phát triển *Environment and Development*

Học phần giới thiệu các khái niệm về tài nguyên, môi trường và phát triển. Đặc điểm, nguyên nhân, hệ quả của các vấn đề suy thoái tài nguyên và ô nhiễm môi trường, mối quan hệ giữa môi trường và các lĩnh vực phát triển khoa học công nghệ, kinh tế, xã hội. Học phần cũng đề cập đến các thách thức và mối quan tâm hiện nay của loài người đối với các vấn đề môi trường và phát triển trên thế giới hiện nay.

Một nội dung quan trọng khác được giới thiệu trong học phần là công tác bảo vệ môi trường cho sự phát triển bền vững. Bên cạnh đó, học phần cũng có nội dung mở dựa trên các vấn đề thực tiễn liên quan đến các ngành khoa học khác nhau và gắn liền với tình hình thực tiễn trong các buổi thảo luận theo chủ đề trên lớp.

25. Lý thuyết hành chính trong các tổ chức giáo dục

Học phần bao gồm những kiến thức cơ bản về hành chính học, nền hành chính nhà nước, đặc điểm, chức năng hành chính nhà nước; thể chế nền hành chính nhà nước. Bên cạnh đó, học phần cũng xem xét các vấn đề về tổ chức bộ máy hành chính nhà nước, các vấn đề về công vụ, công chức và các quyết định hành chính...

Học phần cũng chỉ rõ đặc trưng hành chính trong tổ chức giáo dục, những kỹ thuật nghiệp vụ hành chính trong nhà trường.

26. Lý luận dạy học *Teaching Theories*

Học phần cung cấp kiến thức cơ bản về lý luận dạy học hiện đại. Từ đó, học phần góp phần hình thành cho sinh viên năng lực đánh giá, xây dựng kế hoạch và quản lý hoạt động dạy học trong công tác quản trị trường học tương lai. Nội dung học phần được cấu trúc thành 5 chương: Lý luận dạy học hiện đại với tư cách là một khoa học; Mục tiêu, nguyên tắc, nội dung dạy học; Phương pháp và kỹ thuật dạy học trong điều kiện đổi mới giáo dục; Hình thức tổ chức dạy học hiện đại; Vấn đề đánh giá kết quả học tập trong dạy học hiện đại;

27. Ứng dụng tâm lý học trong quản trị nhà trường *Applied psychology in school administration*

Học phần Tâm lý học trong quản trị nhà trường cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về ứng dụng khoa học tâm lý học trong lĩnh vực quản trị nhà trường nhằm nâng cao hiệu quả của hoạt động quản trị trường học nói chung. Nội dung học phần đề cập đến các vấn đề: hành vi cá nhân, hành vi nhóm cụ thể như tự ý thức cá nhân, tri giác xã hội, các vấn đề trong quản lý con người trong cơ sở giáo dục như tạo động lực, khen thưởng, giải quyết xung đột, làm việc nhóm, những vấn đề thuộc về cá nhân nhà quản trị như giao tiếp, ra quyết định, vấn đề stress và quản lý stress... Với những kiến thức nêu trên, mỗi sinh viên sau khi học xong với tư cách là nhà quản trị trường học trong tương lai sẽ có kỹ năng thành thạo để thực hiện tốt vai trò này.

28. Hệ thống giáo dục quốc dân và cơ sở pháp lý trong quản lý giáo dục *The National Education System and the Legal Basis for Management Education*

Học phần bao gồm: kiến thức đại cương về hệ thống giáo dục quốc dân và bộ máy quản lý giáo dục, bao gồm các khái niệm cơ bản và các đặc trưng cơ bản của hệ thống giáo dục quốc dân và lịch sử phát triển của nó trong so sánh với một số hệ thống giáo dục của một số nước. Nội dung cơ bản của phần bộ máy quản lý giáo dục phải làm nổi bật cấu trúc phân tầng của bộ máy quản lý giáo dục của một nước và các quy định phân cấp, phân quyền trong quy định chức năng nhiệm vụ quản lý giáo dục của từng bộ phận cấu thành.

29. Giám sát hoạt động giáo dục trong nhà trường *Supervision of Educational Activities at School*

Học phần nằm trong khối kiến thức chuyên ngành. Học phần cũng cung cấp kiến thức chuyên ngành và hình thành kỹ năng tổ chức giám sát hoạt động giáo dục cho sinh viên, hình thành năng lực giám sát hoạt động giáo dục, qua đó góp phần hình thành năng lực quản trị trường học cho sinh viên. Nội dung, phương pháp và hình thức tổ chức dạy học môn học còn góp phần hình thành ở sinh viên năng lực đánh giá, năng lực hoạt động xã hội, năng lực làm việc nhóm, ... Nội dung môn học bao gồm bốn chương: Những vấn đề chung về giám sát hoạt động giáo dục trong trường học; Nguyên tắc và nội dung giám sát hoạt động giáo dục trong nhà trường; Quy trình và phương thức giám sát hoạt động giáo dục trong nhà trường; Vai trò của hiệu trưởng trong giám sát các hoạt động giáo dục nhà trường.

30. Quản lý chương trình nhà trường *School based curriculum management*

Học phần gồm có 4 chương mở đầu là khái quát về chương trình giáo dục và phát triển chương trình giáo dục cũng như các cách tiếp cận phát triển chương trình giáo dục hiện nay nhằm cung cấp cho người học có được kiến thức tổng quan về phát triển chương trình giáo dục. Bên cạnh đó những kiến thức được sắp xếp một cách hệ thống giúp người học có khả năng thiết kế chương trình cho từng môn học cụ thể theo đúng qui trình. Một số vấn đề về phát triển chương trình giáo dục hiện nay cũng góp phần cụ thể hóa kiến thức và phân tích thực trạng về phát triển chương trình giáo dục trong chính ngành học, môn học mà người học sẽ đảm nhiệm.

31. Quản trị chiến lược trong nhà trường *Strategic Administration in School*

Học phần cung cấp những khái niệm cơ bản về chiến lược giáo dục, quản trị chiến lược trong nhà trường, trên cơ sở đó đi sâu nghiên cứu và thực hành lập chiến lược phát triển cơ sở giáo dục.

32. Quản trị trường học trong mối quan hệ giữa nhà trường và cộng đồng *School administration in the relationship between the school and the community*

Chuyên đề trình bày một phương thức xây dựng ý tưởng và chiến lược để kết nối với cộng đồng trường học qua việc phát triển các mối quan hệ với học sinh, phụ huynh, giảng viên và nhà tuyển dụng.

Chuyên đề trình bày cơ sở lý luận của kế hoạch quan hệ công chúng, phương thức giao tiếp với cộng đồng trong và ngoài nhà trường, các giao tiếp bằng văn bản với cộng đồng ngoài nhà trường, cách hợp tác với cha mẹ học sinh, giới truyền thông, các nhà huấn luyện, tình nguyện viên...

Khái niệm lập kế hoạch và quản lý khủng hoảng cũng được giới thiệu trong chuyên đề này.

Chuyên đề cũng giới thiệu về cách đánh giá hiệu quả trường học về kế hoạch quan hệ cộng đồng.

33. Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản trị nhà trường *Applied IT in schools Administration*

Học phần giới thiệu những vấn đề cơ bản nhất về thông tin và ứng dụng công nghệ thông tin trong quản trị nhà trường. Học phần giúp người học có được những kiến thức cơ sở để thực hiện các nhiệm vụ công tác có sử dụng công nghệ thông tin.

34. Quan hệ nội bộ trong quản trị nhà trường *Interior relations in Schools*

Học phần bao gồm: những vấn đề cơ bản về quan hệ công chúng như khái niệm, đặc điểm, vai trò của quan hệ công chúng; quản lý quan hệ công chúng chiến lược, quản lý vấn đề, quản lý rủi ro, quản lý khủng hoảng; Quan hệ công chúng ứng dụng trong trường học; hoạt động quan hệ công chúng của Nhà trường với báo chí, nội bộ tổ chức và với cộng đồng.

35. Xây dựng văn hóa nhà trường *Schools Culture Development*

Trên con đường tự chủ và đề khẳng định tên tuổi của mình, mỗi con người hình thành cho mình một cá tính, và cũng như vậy, mỗi nhà trường hình thành cho mình một bản sắc văn hóa. Văn hóa nhà trường nằm trong mối quan hệ của nhiều tầng bậc văn hóa, trong đó có sự gắn kết chặt chẽ với văn hóa của từng lớp học, với sự đóng góp, hội nhập của từng người dạy và người học. Điều quan trọng là văn hóa nhà trường phải luôn song hành với sứ mạng và mục tiêu đào tạo mà nhà trường đã đặt ra, hướng tới sự phát triển bền vững của nhà trường.

Chuyên đề Quản lý văn hóa nhà trường bàn tới vai trò của văn hóa tổ chức nói chung và văn hóa nhà trường nói riêng; nhận diện những biểu hiện văn hóa tích

cực và tiêu cực, tìm hiểu những khó khăn, thách thức khi xây dựng, nuôi dưỡng những giá trị văn hóa tốt đẹp của nhà trường; chuẩn bị cho nhà quản lý những công cụ tác động tới chính văn hóa của trường mình, vun trồng để nó thực sự hỗ trợ cho việc dạy và học

36. Kỹ năng quản trị trường học 1 *School Administration Skills 1*

Học phần bao gồm những kiến thức chung về kỹ thuật điều hành công sở như khái niệm, đặc điểm, vai trò; nội dung cơ bản của kỹ thuật điều hành công sở; điều kiện làm việc và thiết bị trong công sở; phương pháp lãnh đạo, quản lý hành chính; đổi mới kỹ thuật điều hành công sở.

37. Kỹ năng quản trị trường học 2 *School Administration Skills 2*

Học phần bao gồm: những vấn đề cơ bản về giao tiếp như khái niệm, đặc trưng, chức năng, nguyên tắc và phong cách giao tiếp; những kỹ năng giao tiếp cơ bản của quản trị viên như kỹ năng tạo ấn tượng ban đầu, kỹ năng nghe, kỹ năng nói, kỹ năng giao tiếp phi ngôn ngữ; các yếu tố ảnh hưởng đến kỹ năng giao tiếp của quản trị viên trong nhà trường.

38. Kỹ năng quản trị trường học 3 *School Administration Skills 3*

Học phần được thiết kế trên cơ sở đánh giá những kỹ năng nghề nghiệp mang tính đặc thù của nhà quản trị nhà trường trong bối cảnh hiện nay. Sau kỹ năng được lựa chọn khá tiêu biểu sắp xếp trong 5 chương của toàn bộ nội dung học phần trong đó hướng đến mục tiêu hình thành ở người học kỹ năng lãnh đạo và quản lý, quản trị nhân sự, tài chính đặc biệt kỹ năng tạo ấn tượng bản thân và quản lý rủi ro giúp các người học sẵn sàng cho vai trò nhà quản trị trường học trong bối cảnh đổi mới hiện nay.

39. Tổ chức hoạt động giáo dục trong nhà trường *Organization Educational Activities in schools*

Nội dung học phần Tổ chức hoạt động giáo dục trong nhà trường bao gồm năm chương: Những vấn đề cơ bản về tổ chức hoạt động giáo dục trong nhà trường; Nội dung giáo dục ở nhà trường phổ thông; Các loại hình và phương pháp tổ chức hoạt động giáo dục; Quy trình tổ chức hoạt động giáo dục. Một số kỹ năng hỗ trợ tổ chức hoạt động giáo dục hiệu quả.

Học phần nhằm cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ sở ngành về tổ chức quá trình giáo dục ở nhà trường phổ thông, góp phần hình thành năng lực quản trị trường

học. Học phần cũng cung cấp kiến thức và hình thành kỹ năng tổ chức hoạt động giáo dục cho sinh viên, góp phần hình thành năng lực giáo dục cho sinh viên chuyên ngành Quản trị trường học. Nội dung, phương pháp và hình thức tổ chức dạy học môn học còn góp phần hình thành ở sinh viên năng lực đánh giá, năng lực hoạt động xã hội, năng lực làm việc nhóm, ...

40. Kỹ thuật điều hành nhà trường *School Administration technology*

Học phần bao gồm những kiến thức chung về kỹ thuật điều hành công sở như khái niệm, đặc điểm, vai trò; nội dung cơ bản của kỹ thuật điều hành công sở; điều kiện làm việc và thiết bị trong công sở; phương pháp lãnh đạo, quản lý hành chính; đổi mới kỹ thuật điều hành công sở.

41. Quan hệ công chúng trong nhà trường *Public relations in Schools*

Học phần bao gồm: những vấn đề cơ bản về quan hệ công chúng như khái niệm, đặc điểm, vai trò của quan hệ công chúng; quản lý quan hệ công chúng chiến lược, quản lý vấn đề, quản lý rủi ro, quản lý khủng hoảng; Quan hệ công chúng ứng dụng trong trường học; hoạt động quan hệ công chúng của Nhà trường với báo chí, nội bộ tổ chức và với cộng đồng.

42. Giám sát hoạt động dạy học trong nhà trường *Supervision of teaching activities at School*

Học phần cũng cung cấp kiến thức chuyên ngành và hình thành kỹ năng tổ chức giám sát hoạt động dạy học diễn ra trong nhà trường, hình thành năng lực giám sát hoạt động dạy học như một phần của năng lực quản trị trường học. Nội dung học phần bao gồm bốn chương: Những vấn đề chung về giám sát hoạt động dạy học; Nguyên tắc và nội dung giám sát hoạt động dạy học trong nhà trường; Quy trình và phương thức giám sát hoạt động dạy học trong nhà trường; Hiệu trưởng và các vấn đề rèn luyện năng lực.

43. Chính sách và thực thi quản trị trường học *Schools Administration, Policies and Practice*

Chuyên đề giới thiệu về các chính sách giáo dục, khái niệm, vai trò, các loại hình chính sách giáo dục và quy trình thực hiện chính sách giáo dục. Chuyên đề trình bày cơ sở lý luận về chính sách quản trị trường học và thực thi chính sách quản trị trường học hiện nay.

44. Quản trị nguồn nhân lực trong nhà trường *Human Resources Administration in Education*

Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về vấn đề quản trị nguồn nhân lực theo tiếp cận hiện đại, giới thiệu về thực tiễn phát triển nguồn nhân lực ở một số quốc gia trên thế giới. Trên cơ sở đó người học có khả năng đánh giá và vận dụng các kiến thức đã học để giải quyết những vấn đề thực tiễn có liên quan đến vấn đề phát triển nguồn nhân lực tại các cơ sở giáo dục.

45. Quản lý tài chính trong nhà trường *Financial Management at School*

Tài chính và quản lý tài chính trong Nhà trường cũng như vấn đề thu chi và các quy định về tài chính giáo dục nói chung, trường học nói riêng. Những biện pháp quản lý tài chính giáo dục.

Giáo dục không chỉ là lĩnh vực phúc lợi mà nó là một “ngành kinh tế” chuyên biệt vì hoạt động của nó cần chi phí và có sự đầu tư. Việc quản lý tài chính trong Nhà trường là giải quyết bài toán chi phí lợi ích và hiệu quả và phát triển kinh tế, tác động qua lại của giáo dục và phát triển kinh tế của Nhà trường. Nội dung chuyên đề cũng phân tích chi phí/ lợi ích giáo dục ở cả khía cạnh vĩ mô.

46. Quản lý cơ sở vật chất trong nhà trường *Infrastructure Management at School*

Học phần giới thiệu các chức năng quản lý cơ sở vật chất và thiết bị giáo dục nhằm cung cấp cho sinh viên các kiến thức cần thiết để quản lý cơ sở vật chất và thiết bị giáo dục trong cơ sở giáo dục hiệu quả, bao gồm ba lĩnh vực chủ yếu: quản lý trường học, quản lý thiết bị giáo dục và quản lý thư viện với mục tiêu chung là quản lý vào 3 nội dung cơ bản là: Đầu tư; sử dụng và duy trì, bảo quản. Bên cạnh đó, sinh viên được trao dồi các kỹ năng quản lý về cơ sở vật chất và thiết bị giáo dục như: xây dựng kế hoạch và lập hồ sơ quản lý hệ thống thiết bị giáo dục, tham mưu- lãnh đạo – chỉ đạo và kiểm tra trong quá trình xây dựng và quản lý cơ sở vật chất, thiết bị giáo dục ,... Đồng thời, học phần cũng quan tâm hướng dẫn sinh viên phát triển khả năng phân tích các vấn đề trong thực tiễn quản lý cơ sở vật chất và thiết bị giáo dục cho sát hợp với điều kiện và hoàn cảnh của đơn vị.

Hoàn tất học phần, sinh viên sẽ có đủ khả năng dự đoán và giải quyết các vấn đề liên quan đến sử dụng cơ sở vật chất và thiết bị giáo dục trong một tổ chức.

47. Đảm bảo chất lượng trong giáo dục *Quality Assurance in Education*

Học phần bao gồm các nội dung cơ bản: Khái niệm về chất lượng, chất lượng trong giáo dục, đảm bảo chất lượng; các mô hình đảm bảo chất lượng trong giáo dục; hệ thống đảm bảo chất lượng trong giáo dục.

48. Quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành Giáo dục và đào tạo
Administrative and Management of Education

Học phần bao gồm những kiến thức cơ bản về nhà nước, QLHCNN; công vụ, công chức, viên chức; quan điểm, chủ chương, đường lối của Đảng và Nhà nước về giáo dục và đào tạo; các nguyên tắc, đặc điểm quản lý, cơ chế tổ chức và nội dung quản lý hành chính nhà nước về giáo dục và đào tạo; các văn bản pháp quy về quản lý ngành giáo dục: Luật giáo dục, Điều lệ nhà trường.

49. Lý luận pháp luật về phòng chống tham nhũng *Theories and Law on Anti - corruption*

Học phần bao gồm những kiến thức cơ bản về Pháp luật như khái niệm pháp luật, nguồn gốc pháp luật, đặc điểm, bản chất, chức năng, vai trò của pháp luật, cũng như mối liên hệ của pháp luật với các vấn đề khác của xã hội. Những vấn đề phòng chống tham nhũng như khái niệm, đặc trưng cơ bản của tham nhũng, hành vi tham nhũng, nguyên nhân và điều kiện tham nhũng.. được xem xét đề cập giúp người học hình thành thái độ và ý thức trong việc phòng chống tham nhũng.

50. Huy động cộng đồng phát triển giáo dục *Community mobilization in Education*

Học phần gồm có 4 chương mở đầu là khái quát về huy động cộng đồng xã hội cũng như các cách tiếp cận huy động cộng đồng xã hội hiện nay nhằm cung cấp cho người học có được kiến thức tổng quan về huy động cộng đồng xã hội phát triển giáo dục. Bên cạnh đó những kiến thức được sắp xếp một cách hệ thống giúp người học có khả năng huy động cộng đồng xã hội theo đúng qui trình. Một số vấn đề về huy động cộng đồng xã hội hiện nay cũng góp phần cụ thể Học phần “Vấn đề tư vấn, hướng nghiệp trong giáo dục” nghiên cứu những vấn đề có liên quan đến công tác hướng nghiệp như bản chất tâm lý của sự lựa chọn nghề, Vai trò của hoạt động giáo dục trong định hướng và tư vấn nghề cho học sinh. Nghiên cứu những sai lầm thường gặp khi chọn nghề và những yếu tố chủ quan, khách quan ảnh hưởng đến quá trình chọn nghề. Làm rõ mối liên quan giữa nghề và các đặc điểm tâm lý cá nhân như tính khí, tính cách, năng lực. Làm rõ các phương pháp giáo dục hướng

nghiệp đồng thời cung cấp cho người học những kỹ năng trong việc tư vấn nghề, xây dựng hoạ đồ nghề và xây dựng nội dung thông tin về thị trường lao động.

52. Quản trị dự án trong trường học *Project Administration in School*

“Quản trị dự án trong trường học” là học phần tự chọn trong chương trình đào tạo Cử nhân chuyên ngành Quản trị nhà trường. Học phần được thiết kế với thời lượng 3 tín chỉ và nhằm mục đích cung cấp cho người học kiến thức và kỹ năng quản trị dự án trong giáo dục. Các cơ sở giáo dục đang bị áp lực đáng kể để gia tăng nguồn thu thông qua các dự án đầu tư, quản lý dự án thành công -cả về thời gian và ngân sách. Để dự án giáo dục được quản lý tốt đòi hỏi việc xây dựng dự án và lập kế hoạch vững chắc, có lộ trình thực hiện thích hợp và theo dõi tiến độ. Môn xây dựng và quản lý dự án giáo dục nhằm trang bị cho học viên một số nội dung:

- Các kiến thức về xây dựng dự án giáo dục.
- Các kiến thức về cách khởi đầu, hoạch định, giám sát và kết thúc dự án giáo dục.
- Quy trình tổ chức quản lý dự án giáo dục theo các phương án đầu tư cụ thể.
- Nắm vững một số phương pháp, công cụ và kỹ thuật xây dựng và quản lý dự án giáo dục.
- Thu nhận các kinh nghiệm quản lý rủi ro, thay đổi trong quá trình dự án giáo dục

Kết thúc học phần, người học nắm vững kiến thức về quản trị dự án giáo dục; Cải thiện các kỹ năng ra quyết định, kỹ năng lãnh đạo của một trưởng dự án; Ứng dụng một cách hệ thống các kiến thức, kỹ năng học được vào dự án của riêng mình. Đồng thời, học viên áp dụng các phương pháp quản trị dự án giáo dục vào thực tiễn; Có kinh nghiệm về các nhân tố thành công trong việc hoạch định và giám sát dự án giáo dục – và đặc biệt là các nhân tố con người trong quản trị dự án giáo dục;

53. Quản trị thương hiệu và Marketing của nhà trường *Brand Management and Marketing of school*

Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về thương hiệu, định vị thương hiệu cho các cơ sở giáo dục; và kỹ thuật xác định các *thành tố cơ bản của marketing trong giáo dục - đào tạo, từ đó thực hiện quản trị chiến lược marketing trong nhà trường.*

54. Lãnh đạo sáng tạo *Creative leadership*

Học phần có 3 chương:

- Chương 1: Một số khái niệm về sáng tạo

Trong chương này có các nội dung về khái niệm của sáng tạo, các thành tố của năng lực sáng tạo, các loại hình sáng tạo;

- Chương 2: Đặc trưng của Trường học sáng tạo

Nội dung cơ bản của chương này làm rõ được các đặc trưng sáng tạo của lãnh đạo, của học sinh, của đội ngũ giáo viên và phương thức dạy học và tổ chức các hoạt động phát triển năng lực sáng tạo; so sánh các đặc trưng của Trường học hiệu quả và Trường học sáng tạo.

- Chương 3: Lãnh đạo nhà trường sáng tạo

Nội dung cơ bản là xây dựng viễn cảnh và chiến lược phát triển trường học sáng tạo; các hoạt động ưu tiên phát triển năng lực chuyên môn và sự sáng tạo của đội ngũ giáo viên; xây dựng một Nhà trường sáng tạo, xây dựng môi trường và các điều kiện thuận lợi phát triển Nhà trường sáng tạo.

55. Tư vấn tâm lý học đường *Psychological counseling in schools*

Học phần Tư vấn tâm lý học đường cung cấp cho giáo sinh sự phạm những kiến thức cơ bản về tư vấn tâm lý và tư vấn tâm lý học đường. Đây là một nền tảng quan trọng giúp cho các thầy cô thành công hơn nữa trong việc giáo dục học sinh trong nhà trường. Các nội dung gồm có:

Những vấn đề khái quát chung về tâm lý học tư vấn như: Đối tượng, nhiệm vụ, ý nghĩa của tâm lý học tư vấn; sơ lược lịch sử phát triển tâm lý học và một số mô hình tư vấn tâm lý.

Những vấn đề về người cán bộ tư vấn tâm lý học đường: Vai trò, trách nhiệm của người cán bộ tư vấn, những yêu cầu đối với người làm công tác tư vấn tâm lý, một số yêu cầu cơ bản về đạo đức nghề nghiệp.

Những vấn đề về kỹ năng tư vấn tâm lý gồm có: kỹ năng lắng nghe, kỹ năng đặt câu hỏi, kỹ năng quan sát, kỹ năng đồng cảm và thấu cảm, kỹ năng thiết lập mối quan hệ, kỹ năng huy động và kết nối các nguồn lực để hỗ trợ học sinh, xếp thứ tự ưu tiên và theo trật tự khi tư vấn cho học sinh.

Những vấn đề về các khó khăn tâm lý của học sinh và các nội dung tư vấn giáo dục thanh thiếu niên: đặc điểm tâm lý lứa tuổi, con đường dẫn đến hành vi ứng xử tiêu cực ở thanh thiếu niên, nguyên nhân và cơ chế dẫn đến những khó khăn tâm lý của học sinh, chiến lược làm việc với thanh thiếu niên có vấn đề về hành vi, phát hiện và bồi dưỡng năng khiếu ở thanh thiếu niên.

56. Hệ thống thông tin trong quản trị nhà trường *Information System in School Administration*

Học phần có 4 chương:

- Chương 1: Một số khái niệm về thông tin

Trong chương này có các nội dung về khái niệm của thông tin, thông tin và truyền thông; các đặc trưng cơ bản của thông tin; tổ chức quá trình thông tin;

- Chương 2: Hệ thống thông tin và thông tin quản lý

Nội dung cơ bản của chương này làm rõ được vị trí, vai trò và giá trị của thông tin trong quản lý; thiết kế và vận hành một hệ thống thông tin quản lý; xây dựng hệ thống đảm bảo thông tin trong quản lý.

- Chương 3: Truyền thông trong quản lý

Nội dung cơ bản là các thành phần trong tiến trình truyền thông; sử dụng các ngôn ngữ trong truyền thông để giúp cho quá trình truyền thông hiệu quả.

- Chương 4: Hệ thống thông tin quản lý giáo dục

Nội dung của chương này là cấu trúc một hệ thống thông tin quản lý giáo dục; nội dung của các thành tố trong hệ thống thông tin quản lý giáo dục; xây dựng và sử dụng các công cụ cơ bản trong thu thập thông tin quản lý giáo dục.

57. Kỹ năng giao tiếp của chuyên viên quản trị trường học *Communication skills of the school Administrator*

Học phần bao gồm: những vấn đề cơ bản về giao tiếp như khái niệm, đặc trưng, chức năng, nguyên tắc và phong cách giao tiếp; những kỹ năng giao tiếp cơ bản của quản trị viên như kỹ năng tạo ấn tượng ban đầu, kỹ năng nghe, kỹ năng nói, kỹ năng giao tiếp phi ngôn ngữ; các yếu tố ảnh hưởng đến kỹ năng giao tiếp của quản trị viên trong nhà trường.

58. Kỹ năng quản trị nhà trường hiệu quả *Effective Administration in Education*

Học phần được thiết kế trên cơ sở đánh giá những kỹ năng nghề nghiệp mang tính đặc thù của nhà quản trị nhà trường trong bối cảnh hiện nay. Sau kỹ năng được lựa chọn khá tiêu biểu sắp xếp trong 5 chương của toàn bộ nội dung học phần trong đó hướng đến mục tiêu hình thành ở người học kỹ năng lãnh đạo và quản lý, quản trị nhân sự, tài chính đặc biệt kỹ năng tạo ấn tượng bản thân và quản lý rủi ro giúp các người học sẵn sàng cho vai trò nhà quản trị trường học trong bối cảnh đổi mới hiện nay.

59. Thực tập nghiệp vụ 1 *Internship 1*

Học phần thực tập nghiệp vụ 1 giúp sinh viên có cơ hội quan sát, vận dụng những kiến thức đã học vào trong các trải nghiệm thực tế hoạt động quản trị trường học trong các bậc học thuộc hệ thống giáo dục quốc dân. Sinh viên tìm hiểu về cơ cấu tổ chức và hoạt động của nhà trường và tìm hiểu các nội dung thuộc nghiệp vụ về quản trị trường học: Tìm hiểu về kế hoạch chiến lược; tổ chức thực hiện kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường; Tìm hiểu về phân công, phân nhiệm của Hội đồng trường và các cấp bậc quản lý trong nhà trường; Tìm hiểu về vai trò của các tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, Công đoàn, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh trong nhà trường; Tìm hiểu về quản trị hoạt động dạy học, giáo dục, chăm sóc, nuôi dưỡng, trải nghiệm, hướng nghiệp, tham vấn tâm lý, chủ nhiệm lớp...; Tìm hiểu về quản trị nhân sự nhà trường; Tìm hiểu về quản trị tổ chức, hành chính nhà trường; Tìm hiểu về quản trị tài chính nhà trường; Tìm hiểu về quản trị cơ sở vật chất, thiết bị và công nghệ trong dạy học, giáo dục học sinh của nhà trường; Tìm hiểu về quản trị chất lượng giáo dục trong nhà trường; Tìm hiểu về xây dựng văn hóa nhà trường; Tìm hiểu về thực hiện dân chủ cơ sở trong nhà trường; Tìm hiểu về xây dựng trường học an toàn, phòng chống

bạo lực học đường; Tìm hiểu về phối hợp giữa nhà trường, gia đình, xã hội để thực hiện hoạt động dạy học và giáo dục, chăm sóc, nuôi dưỡng cho học sinh/trẻ; Tìm hiểu về phối hợp giữa nhà trường, gia đình, xã hội để thực hiện giáo dục hướng nghiệp, khởi nghiệp cho học sinh.

60. Thực tập nghiệp vụ 2 *Internship 2*

Học phần thực tập nghiệp vụ 2 giúp sinh viên vận dụng những kiến thức đã học và tham gia vào các hoạt động quản trị trường học trong các bậc học thuộc hệ thống giáo dục quốc dân. Sinh viên tham gia thực hiện các hoạt động thuộc nghiệp vụ về quản trị trường học tại cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông.

62. Thực hành quản trị trường học *School Administration Practices*

Học phần bao gồm hai nội dung: (1) thực hành các kỹ năng chuyên môn: kỹ năng quản trị hành chính, quản trị nhân sự, quản trị cơ sở vật chất, kết nối và huy động các lực lượng xã hội tham gia phát triển nhà trường; (2) thực hành kỹ năng hỗ trợ: kỹ năng giao tiếp, quản lý ấn tượng, thích ứng với thay đổi.

63. Nghiệp vụ quản lý hành chính trong cơ sở giáo dục *Administrative Managment in Educational Institutions*

Học phần bao gồm 4 nội dung: (1). Tổng quan về công tác hành chính trong nhà trường; (2) Nghiệp vụ hành chính; (3) Quản lý văn bản hồ sơ trong cơ sở giáo dục; (4) Nghiệp vụ sử dụng, quản lý con dấu; Nghi thức lễ tân, giao tiếp chuyên nghiệp.

13. Tiến trình đào tạo

Thời gian thực hiện chương trình: 4 năm, Lịch trình cụ thể cho từng phần học:

STT	Công việc chính	Thời gian thực hiện
I	Học kỳ I	
1	Nhập học	Tháng 9 hàng năm
2	Tổ chức dạy học các học phần học kỳ I trong chương trình đào tạo	Tháng thứ 1 đến tháng thứ 6 của khóa học
II	Học kỳ II	
1	Học các học phần học kỳ II trong chương trình đào tạo	Tháng thứ 7 đến tháng thứ 12 của khóa học
III	Học kỳ III (năm thứ hai)	
1	Học các học phần học kỳ III trong chương trình đào tạo	Tháng thứ 13 đến tháng thứ 18 của khóa học
IV	Học kỳ IV	
1	Học các học phần học kỳ IV trong chương trình đào tạo	Tháng thứ 19 đến tháng thứ 24 của khóa học
V	Học kỳ V (năm thứ ba)	
1	Học các học phần học kỳ V trong chương trình đào tạo	Tháng thứ 25 đến tháng thứ 30 của khóa học
VI	Học kỳ VI	
1	Học các học phần học kỳ VI trong chương trình đào tạo	Tháng thứ 30 đến tháng thứ 35 của khóa học
2	Thực tập nghiệp vụ đợt 1	
VII	Học kỳ VII (năm thứ tư)	
1	Học các học phần học kỳ VII trong chương trình đào tạo	Tháng thứ 36 đến tháng thứ 41 của khóa học
VIII	Học kỳ VIII	
1	Thực tập nghiệp vụ đợt 2	
2	Khóa luận tốt nghiệp/Học các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp	Tháng thứ ... đến tháng thứ 47 của khóa học
3	Các thủ tục hoàn thành khóa học, cấp bằng cử nhân	Sau khi hoàn thành khóa

		học theo qui định của nhà trường
--	--	----------------------------------

15. Các quy định về kiểm tra đánh giá, phương pháp giảng dạy

a. Kiểm tra đánh giá

Kiểm tra - đánh giá kết quả học tập là một khâu trong quy trình đào tạo và là khâu đột phá để nâng cao chất lượng giảng dạy của chương trình đào tạo. Chính vì vậy, việc triển khai, quản lý hoạt động kiểm tra – đánh giá kết quả môn học được thực hiện chặt chẽ, đúng quy trình, đã có sự tham gia phối hợp của giảng viên, tổ bộ môn và Phòng ĐT&CTSV, đảm bảo được tính chất nghiêm túc, khách quan và công bằng.

Việc thực hiện kiểm tra đánh giá kết quả học tập của sinh viên được thực hiện trong suốt quá trình học tập cho đến khi tốt nghiệp. Các hình thức, tiêu chí kiểm tra đánh giá kết quả môn học phải công được bố công khai ngay từ khi bắt đầu dạy môn học. Áp dụng triệt để quan điểm đánh giá thường xuyên, liên tục, đánh giá giữa kỳ và cuối kỳ, đảm bảo cho học viên có thể chủ động lập kế hoạch học tập, theo dõi và quản lý được sự tiến bộ của chính mình trong quá trình học tập. Với phương pháp và hình thức kiểm tra - đánh giá quá trình, đánh giá được người học về mặt kiến thức chuyên môn, kỹ năng thực hành áp dụng và giải quyết vấn đề. Kết quả kiểm tra đánh giá được phản hồi kịp thời tới người học.

Đánh giá việc hoàn thành môn học được thực hiện dưới hình thức tiểu luận hoặc thi hết môn; dù hình thức nào thì chủ yếu hướng vào mục tiêu đánh giá khả năng thực hiện (Performance Assessment).

Khóa luận tốt nghiệp hoặc học các học phần thay thế khóa luận tốt là một trong những hình thức đánh giá kết thúc khóa học của chương trình cử nhân quản trị trường học theo học chế tín chỉ.

Mục đích của kiểm tra đánh giá không chỉ để xác nhận kết quả học tập của sinh viên mà còn thúc đẩy và hỗ trợ việc học của sinh viên. Do đó, cần áp dụng phương pháp kiểm tra đánh giá đa dạng và có tính liên tục, bao gồm kiểm tra đánh giá thường xuyên và định kỳ. Kiểm tra đánh giá thường xuyên được sử dụng như một phương pháp dạy học và được thực hiện trong suốt quá trình dạy học; điểm môn học không dựa chủ yếu vào bài

kiểm tra/thi cuối cùng mà là sự kết hợp điểm của các hình thức KT/ĐG thường xuyên. Tỷ trọng của các bài KT-ĐG được qui định theo đề cương từng học phần: kiểm tra thường xuyên chiếm 20-25%, kiểm tra giữa kỳ 20-25%, điểm đánh giá cuối môn học 50-60%.

b. Phương pháp giảng dạy

Áp dụng phương pháp dạy học tích cực để phát huy vai trò của giảng viên, tính chủ động, sáng tạo của sinh viên trong học tập, nghiên cứu; khuyến khích học tập khám phá của sinh viên vào việc phát hiện vấn đề, giải quyết vấn đề; Chú trọng sự tương tác trong quá trình học tập, nghiên cứu, rèn luyện của sinh viên.

16. Các chương trình, tài liệu chuẩn quốc tế mà đơn vị đào tạo tham khảo

Chương trình được sử dụng để xây dựng chương trình

Chương trình đào tạo nước ngoài:

- Tên chương trình (tên ngành/chuyên ngành), tên văn bằng sau khi tốt nghiệp: Bachelor of Education (Teaching)
- Tên cơ sở đào tạo, nước đào tạo: Đại học New England, UNE
- Xếp hạng của cơ sở đào tạo, ngành/chuyên ngành đào tạo: Trường Đại học New England được thành lập từ năm 1831, được xếp thứ 27 trong khối các trường đại học tốt nhất (Theo bảng xếp hạng các trường đại học tốt nhất năm 2012) (<http://www.webometrics>).

17. Thời điểm thiết kế hoặc điều chỉnh bản mô tả chương trình đào tạo

Bản mô tả CTĐT được điều chỉnh theo CTĐT được ban hành năm 2019 (Quyết định số 1498/QĐ-ĐHGD, ngày 28 tháng 8 năm 2019 của Hiệu trưởng trường Đại học Giáo dục).

Hà Nội, ngày 05 tháng 09 năm 2019

CHỦ NHIỆM KHOA



PGS.TS. Dương Thị Hoàng Yến